

BÁO CÁO
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của HĐND huyện Tân Biên về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương năm 2021, UBND huyện Tân Biên ban hành Quyết định số 4300/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 trên địa bàn huyện Tân Biên, gồm:

1. Dự toán thu ngân sách trên địa bàn theo chỉ tiêu:	164.500 triệu đồng
- Thu cân đối:	164.500 triệu đồng
2. Dự toán chi ngân sách địa phương:	372.851 triệu đồng
- Chi đầu tư phát triển:	45.820 triệu đồng
- Chi thường xuyên:	317.430 triệu đồng
- Quỹ dự phòng	7.070 triệu đồng
- Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương:	2.531 triệu đồng

Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

I. VỀ THU NGÂN SÁCH:

1. Thu ngân sách nhà nước theo chỉ tiêu:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tính vào chỉ tiêu thực hiện 9 tháng năm 2021 là 119.595 triệu đồng, đạt 72,70% so với dự toán, giảm 6,23% so với cùng kỳ.

a. Phân theo khoản thu, sắc thuế:

- *Có 4/9 khoản thu đạt và vượt tiến độ dự toán năm 2021 (trên 75%):* Thu tiền cho thuê mặt đất mặt nước đạt 191,48% (1.915/1.000 triệu đồng); Thu khác ngân sách đạt 88,16% (7.934/9.000 triệu đồng); Thu thuế công thương nghiệp đạt 84,98% (74.187/87.300 triệu đồng) (Trong đó: Thuế giá trị gia tăng đạt 69.436/79.350 triệu đồng, đạt 87,51% so với dự toán); Thuế thu nhập cá nhân đạt 84,51% (20.281/24.000 triệu đồng).

Có 5/9 khoản wóc thu không đạt tiến độ dự toán năm 2021 (dưới 75%):
Thu từ quỹ đất, hoa lợi tại xã đạt 71,65% (143/200 triệu đồng); Thu phí, lệ phí, phí môn bài đạt 68,90% (2.274/3.300 triệu đồng); Thu lệ phí trước bạ đạt 54,33% (6.791/12.500 triệu đồng); Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 44,90% (90/200 triệu đồng); Thu tiền sử dụng đất đạt 19,98% (5.395/27.000 triệu đồng).

2. Thu cân đối ngân sách được hưởng theo phân cấp (Không bao gồm số bổ sung từ ngân sách cấp trên):

- **Thu cân đối ngân sách cấp huyện: 131.734/174.580 triệu đồng, đạt 75,46% dự toán, trong đó:**

+ Thu từ DN, HTX do tỉnh quản lý thu điều tiết cho huyện: 45.246/49.049 triệu đồng, đạt 92,25% dự toán.

+ Thu điều tiết từ các khoản thu được giao chỉ tiêu: 86.488/125.531 triệu đồng, đạt 68,90% dự toán.

- **Thu cân đối ngân sách cấp xã: 30.691/33.960 triệu đồng, đạt 90,37% dự toán, trong đó:**

+ **Có 7/10 xã thu cân đối đạt và vượt tiến độ dự toán năm 2021 (75%):** xã Tân Phong thu đạt 122,90% (10.473/8.522 triệu đồng); xã Mỏ Công thu đạt 98,97% (1.768/1.786 triệu đồng); Thạnh Bắc thu đạt 89,29% (1.007/1.128 triệu đồng); Thạnh Tây thu đạt 87,82% (1.746/1.988 triệu đồng); xã Trà Vong thu đạt 84,13% (1.331/1.582 triệu đồng); xã Tân Lập thu đạt 81,43% (2.006/2.464 triệu đồng); xã Hòa Hiệp thu đạt 81,82% (3.437/4.200 triệu đồng); Thị trấn thu đạt 77,09% (4.758/6.172 triệu đồng).

- **Có 2/10 xã thu cân đối không đạt tiến độ dự toán năm 2021 (dưới 75%):** xã Tân Bình thu đạt 69,41% (829/1.194 triệu đồng); xã Thạnh Bình thu đạt 67,76% (3.336/4.924 triệu đồng).

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH:

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương thực hiện 9 tháng đầu năm 2021 là 392.836/372.851 triệu đồng, đạt 105,36% dự toán, tăng 15,21% so với cùng kỳ. Trong đó:

1. Chi cân đối từ nguồn ngân sách địa phương

Chi cân đối từ nguồn ngân sách địa phương thực hiện 9 tháng đầu năm 2021 là 224.862/356.721 triệu đồng, đạt 63,04% dự toán, giảm 7,47% so với cùng kỳ, bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển:

Thực hiện chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2021 là: 26.452/45.820 triệu đồng, đạt 57,73% dự toán, giảm 58,81% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên:

Thực hiện chi thường xuyên nguồn ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2021 là: 198.411/301.300 triệu đồng, đạt 65,85% dự toán, tăng 0,19% so với cùng kỳ.

2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên:

Thực hiện chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên 6 tháng đầu năm 2021 là 167.973/16.130 triệu đồng, đạt 1.041,37% so với dự toán, tăng 71,47% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: 61.306 triệu đồng.
- Chi cho các dự án bằng nguồn vốn đầu tư: 93.941 triệu đồng.
- Chi cho các nhiệm vụ, chính sách bằng nguồn vốn thường xuyên: 12.726 triệu đồng.

III. Cân đối thu, chi ngân sách địa phương:

1. Tổng thu cân đối ngân sách	516.474 triệu đồng
- Thu ngân sách hưởng 100% và thu điều tiết	162.531 triệu đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh	289.096 triệu đồng
- Thu chuyển nguồn từ năm 2020 sang	64.847 triệu đồng
2. Tổng chi ngân sách	392.836 triệu đồng
- Chi từ cân đối ngân sách địa phương	224.862 triệu đồng
- Chi từ nguồn BSCMT từ ngân sách tỉnh	167.973 triệu đồng

IV. ĐÁNH GIÁ VỀ THU, CHI NGÂN SÁCH:

1. Về thu ngân sách:

Tình hình thu NS trong 9 tháng đầu năm liên tiếp gặp khó khăn, dịch Covid-19 bùng phát diện rộng trên hầu hết các tỉnh, thành trong cả nước, ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe, sinh hoạt đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và các cơ sở kinh doanh trên địa bàn.

Cùng với một số tỉnh, thành, tỉnh Tây Ninh thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ từ ngày 18/7/2021 đến nay. Theo đó, chỉ một số ngành nghề kinh doanh thiết yếu được hoạt động, các ngành khác phải ngừng hoạt động, công tác đôn đốc thu nộp thuế ở lĩnh vực hộ kinh doanh cá thể bị hạn chế; số thuế GTGT phát sinh theo kê khai của doanh nghiệp

trong tháng phần lớn được gia hạn nộp theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ; các giao dịch chuyển nhượng, đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản trong nhân dân phát sinh thấp, dẫn đến kết quả thu ngân sách trong tháng đạt thấp; lũy kế 9 tháng đầu năm đạt 72,70% so với dự toán, giảm 6,23% so với cùng kỳ.

Các hoạt động về kinh tế và đời sống của người dân sụt giảm do ảnh hưởng từ dịch bệnh, nhu cầu mua sắm, chuyển nhượng tài sản trong nhân dân thấp; đồng thời thực hiện giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ, làm cho nguồn thu lệ phí trước bạ xe trong năm 2021 sụt giảm nghiêm trọng.

Ngoài ra, do ảnh hưởng từ các chính sách về đất đai, nguồn thu tiền sử dụng đất từ đầu năm đến nay luôn đạt thấp và giảm rất sâu so cùng kỳ năm 2020. Thực hiện 9 tháng đầu năm hụt thu 14.900 triệu đồng so với tiến độ dự toán.

*** Tình hình quản lý nợ thuế:**

- Tổng số nợ thuế tại thời điểm 31/12/2020 là 7.747 triệu đồng. Trong đó: Nợ có khả năng thu 6.746 triệu đồng; nợ khó thu 1.001 triệu đồng

- Tổng số nợ thuế tạm tính đến ngày 30/9/2021 là 4.020 triệu đồng (thuế GTGT 1.751 triệu đồng, thuế TNDN 92 triệu đồng, các loại thuế khác 822 triệu đồng, tiền chậm nộp thuế 1.355 triệu đồng), so dự toán pháp lệnh năm 2021 chiếm 2,44%. Trong đó: Nợ có khả năng thu 3.118 triệu đồng; nợ khó thu 902 triệu đồng.

Chi tiết:

+ Nợ đọng doanh nghiệp: 2.637 triệu đồng. Trong đó: Nợ thông thường: 1.836 triệu đồng; Nợ khó thu: 801 triệu đồng.

+ Nợ đọng cá nhân, hộ kinh doanh: 1.383 triệu đồng. Trong đó: Nợ thông thường 1.282 triệu đồng (thuế SDĐPNN 357 triệu đồng); Nợ khó thu 101 triệu đồng.

- So với nợ tại thời điểm ngày 31/12/2020 giảm 3.727 triệu đồng, tỷ lệ giảm 48,11%. Trong đó: Nợ có khả năng thu giảm 3.570 triệu đồng, tỷ lệ giảm 53,78%; Nợ khó thu giảm 99 triệu đồng, tỷ lệ giảm 9,89%.

2. Về chi NSNN:

Tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng chế tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định, các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện rút dự toán theo đúng tiến độ. Số chi ngân sách nhà nước tăng cao so với dự toán là do thực hiện một số nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 chuyển sang năm 2021 và một số nhiệm vụ tính bổ sung trong năm.

Thực hiện Công văn số 1927/UBND-KT ngày 15 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết

số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ, huyện đã tiến hành rà soát, tổng hợp số cắt giảm tối thiểu 50% kinh phí hội nghị, đi công tác trong và ngoài nước và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2021 với tổng số tiền là 2.595 triệu đồng.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2021 của UBND huyện Tân Biên. *ST*

Nơi nhận: *hand*

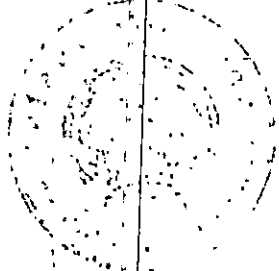
- Sở Tài chính
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT VP.HĐND-UBND huyện.

TR. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



177

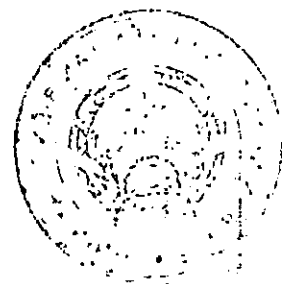
177



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Thực hiện 9 tháng năm 2021	So sánh thực hiện với	
				Dự toán năm 2021	Cùng kỳ năm 2020
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	164.500	119.595	72,70	93,77
I	Thu nội địa	164.500	119.595	72,70	93,77
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	372.851	516.474	138,52	122,50
I	Thu cân đối ngân sách	208.540	162.531	77,94	105,07
1	Các khoản thu huyện hưởng 100%	37.460	15.544	41,49	39,15
2	Các khoản thu phân chia ngân sách huyện theo tỷ lệ %	171.080	146.987	85,92	127,82
II	Bổ sung từ ngân sách tỉnh	164.311	289.096	175,94	157,33
1	Bổ sung cân đối	145.010	96.672	66,67	88,89
2	Bổ sung có mục tiêu	19.301	192.424	996,96	256,59
III	Thu kết dư	-	-		
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		64.847		77,98
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	372.851	392.836	105,36	115,21
I	Tổng chi cân đối từ nguồn ngân sách địa phương	356.721	224.862	63,04	92,53
1	Chi đầu tư phát triển	45.820	26.452	57,73	58,81
2	Chi thường xuyên	301.300	198.411	65,85	100,19
3	Dự phòng ngân sách	7.070		-	
4	Chi tạo lập quỹ CCTL	2.531		-	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	16.130	167.973	1.041,37	171,47



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng




STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Thực hiện 9 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2021	Cùng kỳ năm 2020
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	164.500	119.595	72,70	93,77
I	Thu nội địa	164.500	119.595	72,70	93,77
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	87.300	74.187	84,98	123,05
4	Thuế thu nhập cá nhân	24.000	20.281	84,51	124,12
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	12.500	6.791	54,33	95,15
7	Thu phí, lệ phí	3.300	2.274	68,90	93,41
8	Các khoản thu về nhà, đất	28.200	7.985	28,32	24,30
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		585		64,17
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200	90	44,90	103,21
-	Thu tiền sử dụng đất	27.000	5.395	19,98	21,28
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.000	1.915	191,48	29,45
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	9.000	7.934	88,16	95,34
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	200	143	71,65	91,27
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	208.540	162.531	77,94	105,07
1	Từ các khoản thu phân chia	171.080	146.987	85,92	127,82
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	37.460	15.544	41,49	39,15



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng



STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Thực hiện 9 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2021	Cùng kỳ năm 2020
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	372.851	392.836	105,36	115,21
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	356.721	224.862	63,04	92,53
I	Chi đầu tư phát triển	45.820	26.452	57,73	58,81
1	Chi đầu tư cho các dự án	40.020	26.052	65,10	66,54
2	Chi đầu tư phát triển khác	5.800	400	6,90	6,86
II	Chi thường xuyên	301.300	198.411	65,85	100,19
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	155.446	104.679	67,34	99,24
2	Chi khoa học và công nghệ	130	1	0,38	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	970	1.392	143,53	104,05
4	Chi văn hóa thông tin	3.946	861	21,81	57,92
5	Chi phát thanh, truyền hình	635	427	67,18	104,04
6	Chi thể dục thể thao	588	347	59,04	101,80
7	Chi bảo vệ môi trường	4.787	1.652	34,51	73,62
8	Chi hoạt động kinh tế	37.025	4.884	13,19	28,61
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	71.858	50.776	70,66	93,10
10	Chi bảo đảm xã hội	10.574	13.426	126,97	92,83
III	Dự phòng ngân sách	7.070	-	-	-
IV	Chi tạo nguồn CCTL	2.531	-	-	-
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	16.130	167.973	1.041,37	171,47
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	61.306		193,63
	<i>Vốn đầu tư</i>		60.970		
	<i>Vốn sự nghiệp</i>		336		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	-	93.941		205,20
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	16.130	12.726	78,89	62,03